

Số: 78/2020/QĐST- DS

Gia Lâm, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST- DS, ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VN Th.V (gọi tắt là VPB).

Địa chỉ: Số 89, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô C.D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần VN Th.V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn V. H và ông Nguyễn T. A (Văn bản ủy quyền số 7262/2019/UQ-VPB, ngày 18/9/2019)

Bị đơn: 1. Ông: Phạm Minh T, sinh năm 1979

2. Bà: Trần Diệu H, sinh năm 1984

Cùng có địa chỉ: thôn L. Q, xã K.S, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: số nhà 1x, ngõ 7x/X, phố Hoàng N. T, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất xác nhận:

Tính đến ngày 28/8/2020, ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng số tiền:

Nợ gốc: 498.265.332 đồng

Nợ lãi trong hạn: 18.756.162 đồng

Nợ lãi quá hạn: 582.412.799 đồng

Tổng nợ: 1.099.434.293 đồng (*Bằng chữ: một tỷ không trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng*).

Theo hợp đồng tín dụng số 13012014-062-CN, ký ngày 20/01/2014 và khế ước nhận nợ lần 01/số: 13012014-062-CN ngày 22/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 9766579, ký ngày 11/11/2016 và khế ước nhận nợ lần 01/số: 9766579 ngày 11/11/2016; Hợp đồng tín dụng số 11217198, ký ngày 29/12/2016 và khế ước nhận nợ lần 01/số: 11217198 ngày 04/01/2017.

Kể từ ngày 29.8.2020, ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H tiếp tục phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại từng hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ tương ứng với số tiền còn nợ nêu trên.

Nguyên đơn rút yêu cầu phạt chậm trả lãi đối với các hợp đồng tín dụng số 13012014-062-CN, 11217198 và 9766579.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế tín dụng số 324-P-1843837, ngày 11/10/2016, hợp đồng tín dụng số 9459350, ngày 03/10/2016 và hợp đồng vay thấu chi ngày 03/01/2017 do bị đơn đã tất toán xong toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng này; Rút yêu cầu về việc VPB yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VPB là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, số khung: XSA5GN124297, số máy 160307026437, BKS 29C-929.14 và 01 ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, số khung: XSA3GN124301, số máy: 160307025037, BKS: 29C-924.82 thuộc sở hữu của ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H.

2.2. *Phương thức thanh toán như sau:* ông Phạm Minh T và vợ là bà Trần Diệu H trả nợ dần trong thời gian kể từ ngày 15/9/2020 đến hết ngày 30/12/2020 theo các kỳ trả nợ như sau:

- + Từ 15/09/2020 đến ngày 15/10/2020 thanh toán 100.000.000 đồng nợ gốc.
- + Từ ngày 16/10/2020 đến ngày 16/11/2020 thanh toán 100.000.000 đồng.
- + Từ ngày 17/11/2020 đến hết ngày 31/12/2020 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại cùng toàn bộ tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 29/8/2020 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Số tiền vợ chồng ông T và bà H trả được trừ hết vào nợ gốc trước, trừ vào nợ lãi sau.

Địa điểm thanh toán: tại Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng.

Hình thức thanh toán: thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Sau khi vợ chồng ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H thanh toán hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng theo thỏa thuận thì các bên có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 173/2014; quyền số 01-2014 ngày 18/01/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1121798/TCTS ngày 29/12/2019 số công chứng 9945/HĐTC/2016; quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng; thỏa thuận ngày 29/12/2016 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng.

2.3. Trường hợp ông T và bà H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng thửa đất số 181-4, tờ bản đồ số 07, diện tích 17m² và tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 17,2m² của bà Nguyễn Thị H được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 417098, số vào sổ cấp GCN 764 do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 31/12/2010 cho bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác được ký giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng chi nhánh Thăng Long ngày 18/01/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 189620 do Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2015 cho ông Phạm Minh T và bà Trần Diệu H là thửa đất số 215 và 255, tờ bản đồ số 29-NX, diện tích 797,7m², địa chỉ: tổ dân phố 1x, phường Ng. X, quận Đồ Sơn, Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11217198/TCTS, ngày 29/12/2016 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng.

Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay.

Khi xử lý tài sản thế chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo

quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mại các tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số nợ gốc, tiền lãi vay, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì vợ chồng ông T và bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng.

3. Về án phí: Ông Phạm Minh T và vợ là bà Trần Diệu H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 22.491.514 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN Th. V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.628.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2010/0005067, ngày 05/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND huyện Gia Lâm
- Chi cục THADS H.Gia Lâm
- TANDTP. HN
- Lưu hồ sơ vụ án

Thẩm phán

Thái Thị Hà Thu